

Những biểu hiện của hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Việt (có so với tiếng Nga)

Trương Thị Lan Hương*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Trong Ngữ dụng học, hành vi ở lời là hành vi được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm hơn cả, một trong những hành vi đó là hành vi từ chối, hành vi phổ quát của mọi ngôn ngữ. Ở các cuộc hội thoại có tính liên ngôn ngữ - văn hóa thì hành vi từ chối là một hành vi rất quan trọng. Lịch sử trong giao tiếp là nguyên tắc chung trong tương tác xã hội của mỗi nền văn hóa, thể hiện phép lịch sự khi thực hiện hành vi từ chối mà không làm mất thể diện người đối thoại không phải là điều dễ dàng.

Từ chối là một hành động thường gặp trong giao tiếp, trong tình huống nhận được lời mời, đề nghị hay lời khuyên bảo, yêu cầu nào đó mà chúng ta không thể chấp nhận thì cần có phương thức từ chối phù hợp. Lựa chọn hình thức từ chối theo lối gián tiếp là cách phản hồi hữu hiệu khi vừa biểu thị sự không đồng ý theo hướng được đề xuất vừa giữ được thể diện cho người nghe. Trong bài viết này, dựa trên khối ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Nga từ các tác phẩm văn học đã được xuất bản và được đăng tải trên mạng internet, tác giả tiến hành trình bày một số biểu hiện của hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Việt (có so với tiếng Nga). Qua đó góp phần giúp ích cho người Việt học tiếng Nga hay người nói tiếng Nga học tiếng Việt trong việc sử dụng các phát ngôn từ chối gián tiếp.

Từ khoá: hành vi từ chối, từ chối gián tiếp, phương tiện biểu đạt, tiếng Việt, tiếng Nga

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hội thoại hằng ngày, đôi lúc chúng ta phải đối mặt với những lời rủ rờ, mời mọc, lời khuyên chân thành, lời khen... từ người đối thoại. Khi không thể đồng ý, người từ chối (TC) phải thật sự khéo léo để biểu thị ý nghĩ của bản thân không muốn tiếp nhận nhưng vẫn duy trì phép lịch sự trong giao tiếp, tránh tổn hại đến tình cảm người nghe. Do đó, TC theo phương thức gián tiếp là lựa chọn tối ưu thay vì trả lời “không” một cách trực tiếp. Lời TC nói ra đã khó mà còn thể hiện nó trong công tác ngoại giao hay đối với người học ngoại ngữ lại càng khó hơn.

Tiếng Nga du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ trước và đã ghi dấu ấn sâu đậm trong nhiều lĩnh vực như khoa học, kỹ thuật, văn hóa, kinh tế... Hiện nay, thời thịnh vượng của tiếng Nga tuy không còn như xưa nhưng tiếng Nga vẫn có tầm ảnh hưởng đến một số mặt của đời sống xã hội tại Việt Nam. Tiếng Nga vẫn có một chỗ đứng riêng cho mình trong số các ngoại ngữ được ưa chuộng nhiều như tiếng Anh, tiếng Hàn hay Nhật... Thêm nữa, dòng chảy tiếng Nga không ồn ào, mãnh liệt nhưng đất nước – con người Nga xinh đẹp, hiền hòa vẫn làm đắm say người Việt qua bao thế hệ. Những khó khăn chung khi học ngoại ngữ, đặc biệt với ngoại ngữ khó như tiếng Nga để có thể áp dụng

vào thực tiễn giao tiếp đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu cụ thể hơn trong sự so sánh với tiếng Việt. Dựa trên hơn 200 ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Nga dẫn từ các tác phẩm văn học, bài viết này tác giả khảo sát các biểu hiện hành vi từ chối gián tiếp (HVTC GT) trong tiếng Việt (có so với tiếng Nga). Tác giả hy vọng, bài nghiên cứu có thể góp phần nâng cao hiệu quả việc học ngoại ngữ cho người Việt học tiếng Nga hoặc người Nga học tiếng Việt khi gặp trường hợp phải đưa ra lời TC. Lời từ chối gián tiếp (TCGT) sẽ tạo ra sự khéo léo, uyển chuyển khi giao tiếp ở môi trường liên văn hóa. Dù ở nền văn hóa nào thì phép lịch sự trong giao tiếp là nguyên tắc nền tảng để duy trì lâu dài mối quan hệ xã hội.

LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam công trình xuất hiện gần như sớm nhất trong nghiên cứu về lời TC của Nguyễn Phương Chi [1, tr.12-13], năm 2004 tác giả cũng đã nghiên cứu thành công luận án tiến sĩ “*Một số đặc điểm văn hóa ứng xử của hành vi từ chối trong tiếng Việt (có sự đối chiếu với tiếng Anh)*”. Trước đó, Nguyễn Thị Hai [2, tr.1-12] nghiên cứu hành động TC trong giao tiếp song thoại đối với các hành động “cầu khiến”, “đòi hỏi”, “van xin”; “khuyến can”; “mời”; “cảm ơn”; “khen”, “chúc tụng” và “hỏi” trong tiếng Việt. Trần

Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

Liên hệ

Trương Thị Lan Hương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

Email: trnglanhuong@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 9/12/2020
- Ngày chấp nhận: 31/5/2021
- Ngày đăng: 06/6/2021

DOI: 10.32508/stdjssh.v5i2.670



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Hương T T L. Những biểu hiện của hành vi từ chối gián tiếp trong tiếng Việt (có so với tiếng Nga). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(2):1026-1034.

Chi Mai³ với luận án “*Phương thức biểu hiện hành vi từ chối lời cầu khiến trong tiếng Anh (liên hệ với tiếng Việt)*” nghiên cứu về hành vi TC lời cầu khiến ở góc độ cấu trúc – ngữ nghĩa – ngữ dụng. Lưu Quý Khương và Trần Thị Phương Thảo [4, tr.13-21] khảo sát cách lựa chọn ngôn từ và chiến lược giao tiếp của người Anh và người Việt khi TC một đề nghị giúp đỡ với các đối tượng giao tiếp khác nhau trong 3 tình huống cụ thể. Theo quan sát của tác giả, vấn đề nghiên cứu về hành vi TC khá phong phú và đa dạng, tuy nhiên trong mỗi ngôn ngữ cụ thể, hành vi TC được biểu hiện rất khác nhau. Các công trình đi trước đã trở thành nền tảng trong nghiên cứu này của chúng tôi.

ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Để tài tập trung nghiên cứu những biểu hiện hành vi từ chối gián tiếp trong hội thoại tiếng Việt (có so với tiếng Nga).

Phạm vi nghiên cứu là các phát ngôn ở lượt lời thứ 2 của hội thoại trong tiếng Việt và tiếng Nga. Tác giả không nghiên cứu các HVTC phi lời nói như xua tay, lắc đầu hay nhún vai.

Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản đang sử dụng phổ biến và có hiệu quả như:

- Phương pháp miêu tả, phân tích: Để tài tập trung miêu tả, phân tích ngữ liệu để tìm ra các phương thức biểu hiện HVTC GT trong tiếng Việt và tiếng Nga.
- Phương pháp thống kê ngôn ngữ: Tác giả sử dụng phương pháp thống kê để tổng hợp các HVTC GT trong tiếng Việt và tiếng Nga.
- Phương pháp đối chiếu: Từ các kết quả đã phân tích và miêu tả thu thập được, tác giả so sánh sơ bộ để tìm ra những tương đồng và khác biệt của hành vi TC giữa tiếng Việt và tiếng Nga trên bình diện ngữ nghĩa.

KHÁI NIỆM VỀ HÀNH VI GIÁN TIẾP VÀ HÀNH VI TỪ CHỐI GIÁN TIẾP

Khái niệm hành vi gián tiếp

Tác giả Nguyễn Đức Dân cho rằng: “*Một hành vi tại lời này nhằm đến một hiệu lực tại lời là một hành vi khác, thì hành vi này được gọi là một hành vi gián tiếp*” [5, tr.60].

Theo đó, một hành vi ngôn ngữ gián tiếp có thể được thực hiện nhờ những hành vi tại lời khác nhau:

(1) *Anh có nghe thấy con đang khóc không?* → Hành vi tại lời là một câu hỏi nhưng có hiệu lực tại lời là hành vi yêu cầu, đề nghị được giúp đỡ trông con.

(2) Hành vi chào được thực hiện thông qua hành vi hỏi, khen:

Bác mới đi chợ về đấy à?

Nhìn anh dạo này trẻ trung thế!

(3) Hành vi mong muốn có thể được thực hiện thông qua hành vi cảm thán:

Cây sơn này màu đẹp quá đi! → Mong được người nghe mua tặng.

Hành vi từ chối gián tiếp

Từ chối, theo *Từ điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê là một động từ có ý nghĩa “*không chịu nhận cái được dành cho hoặc được yêu cầu*” [6, tr.1036].

Như vậy *từ chối* có nghĩa biểu thị sự không chấp nhận, không đồng tình với một đề xuất thay đổi nào đó diễn ra trong quan hệ hội thoại.

Khi đứng trước lời đề nghị, lời khuyên bảo, lời khen... chúng ta khó lòng phục tùng thì bắt buộc phải thể hiện sự khước từ. Thay vì hồi đáp hiển ngôn “Không”; “Tôi không muốn”; “Tôi không thích” dễ làm tổn hại thể diện người đối thoại, HVTC GT là hành vi ngôn ngữ biểu hiện không tường minh ý định TC của người nói. Lúc này, người nói cố tình vi phạm các quy tắc hội thoại của Orecchioni, sự vi phạm các quy tắc này nhằm mục đích biểu đạt ý từ chối trong trường hợp không tiện nói trực tiếp. Lời TC được bày tỏ một cách khéo léo, tế nhị, đồng thời giảm bớt sự hụt hẫng cũng như gia tăng thái độ thông cảm ở người tiếp nhận. Người nghe gián tiếp nhận ra ý định TC của người nói dựa vào ngữ cảnh, vào vốn hiểu biết và kinh nghiệm ngôn ngữ của bản thân. Ví dụ:

(4) - *Mình ngồi xuống đây tôi hỏi cái này.*

- *Thì hãy ra ăn kẻo canh nguội hết. Bữa nay canh cải nấu giò ngon lắm.* [7, tr.106]

Ở lượt đáp lời, người nói thể hiện hành vi TC của mình bằng cách trì hoãn lời đề nghị. Cố ý đẩy lùi thời điểm thực hiện hành vi tiến vị yêu cầu về phía tương lai xa hơn bằng cách đưa ra một đề nghị khác (ra ăn canh cải nấu giò).

ĐẶC ĐIỂM NGỮ DỤNG BIỂU HIỆN HÀNH VI TỪ CHỐI GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT (CÓ SO VỚI TIẾNG NGA)

Hành vi từ chối biểu hiện bằng việc trình bày lý do từ chối

TC bằng cách đưa ra lý do, dù là lý do khách quan hay chủ quan là lựa chọn ít ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa đôi bên tham thoại. Đây là phương tiện biểu hiện hành vi TC được sử dụng rất phổ biến trong tiếng Việt.

(5) - Nếu không có việc làm ăn, thôi ở đây mà làm gạch. Làm gạch không khá gì mấy song cũng đủ cơm ăn.

- *Tôi muốn lắm, ngặt vì thuở nay tôi chưa làm, không biết có làm được hay không.* [8, tr.137]

(6) - Ở kia hai cụ chủ tịch, chúng con kính chào hai cụ, lại cả mẹ con nhà cái cầm! Chúng con vô phép hai cụ, hay là... vào cả đây, vào đây. Đi sớm ra ngõ mà gặp của rơi được là gặp may suốt phiên chợ đấy, các cụ ạ (...). Nào mời cụ, mời hai cụ... Rượu với lòng lợn sáng sớm là ngon chí từ đấy ạ.

- *Chúng tôi có công tác...* [9, tr.406]

Với người Nga, đưa ra lý do khách quan hay chủ quan với mục đích ngầm ẩn ý TC sao cho dễ được chấp nhận là phương tiện thường xuyên được ưa dùng.

(7) - Дай, хозяин, покурить бедному человеку, - сказал он сквозь

путья. - Мой табак против твоего не табак, а, можно сказать, отравя.

- *Я бы дал, - вполголоса ответил Лонгрен, - но табак у меня в том кармане. Мне, видишь, не хочется будить дочку.* [10, tr.49-50]

(- Ông chủ ơi, cho kẻ nghèo hèn này hút với. - Anh ta nói với qua mấy cành lá. - Thuốc lá của tôi mà so với thuốc của ông thì chỉ là cỏ thôi.

- *Tôi sẵn sàng cho anh, - Lòng-ren nói nhỏ, - nhưng thuốc tôi lại để ở túi bên kia. Mà tôi thì, anh thấy đấy, lại không muốn làm mất giấc ngủ của con bé...*)

(8) - Я... я люблю вас! (...)

- *Я, Вера Гавриловна, очень благодарен вам, хотя чувствую, что ничем не заслужил такого... с вашей стороны... чувства. Во-вторых, как честный человек, я должен сказать, что... счастье основано на равновесии, то есть когда обе стороны... одинаково любят...* [11, tr.65 - 66]

(- Tôi... tôi yêu anh! (...)

- *Cô Věroska ạ, tôi rất biết ơn cô, mặc dầu tôi cảm thấy rằng tôi chẳng có gì tốt đẹp để xứng đáng được... hưởng tình cảm mà cô vừa bày tỏ. Thứ hai là, với tư cách là một người trung thực, tôi phải nói rằng... hạnh phúc được xây dựng trên sự cân bằng, có nghĩa là khi mà cả hai bên...cùng yêu ở mức độ như nhau...*)

Trình bày lý do để tỏ ý TC khi không tiện theo hướng hành vi tiền vị tạo được độ thuyết phục cao. Tùy thuộc từng ngữ cảnh mà người nói đưa ra lý do phù hợp, tế nhị, giảm thiểu tối đa việc tổn hại thể diện cho người đối thoại.

Hành vi từ chối biểu hiện bằng việc đưa ra hướng lựa chọn mới

TC bằng việc đề xuất thêm hướng lựa chọn khiến người nghe có thể ngầm nhận biết sự so sánh giữa

hai đối tượng, nhận diện rõ ý muốn của chủ thể phát ngôn. Chính việc ngó ý cho hướng lựa chọn mới đã tạo thêm luận cứ vững chắc để người nghe hiểu được đáp án từ chối trong lời đáp phía người nói.

(9) - Chú kiểm rỏ hay cái gì, bảo tôi lấy cho.

- A! Không, - Tư Mắm giật mình quay lại. - Qua coi nhà còn gì nhậu được nữa không thôi mà. - Rồi hẳn cầm chai rượu ra, rử rử nói với dì Tư Béo đang loay hoay cầm khăn lau cốc bên bàn - Nấu nồi cháo cua ăn chơi đi, dì Tư!

- *Cháo cua làm gì! Nhà vừa nấu nồi cháo gà cho mấy ông khách. Họ chỉ húp mấy người vài muông, vì trước đó đã ních hết rá bún rồi, còn ăn uống gì nữa. Trời, nồi cháo gà nấu đậu xanh, ngọt lắm. Để hâm nóng lại thôi!* [12, tr.45-46]

Tuy nhiên, không phải lúc nào TC bằng cách nêu giải pháp khác cũng mang lại hiệu quả tích cực, hài lòng đối tượng. Ví dụ:

(10) - Mày cứ hỏi lời thôi!

- Em phải hỏi nhiều chứ. Về nhà, anh ấy sợ người già, cứ ngồi tựa cột, hỏi không buồn nói, như bỏ quên cái miệng ở đâu, bây giờ ra đường lại nghịch hơn con ma rúi. Anh ấy ghét ở rể lắm phải không? À này em nghe nói làng sắp xóa lệ con trai không phải đi ở rể?

- *Cô về hỏi người già ấy.* [13, tr.237]

Câu trả lời ngắn gọn cộng với giọng điệu gắt gỏng của chàng trai khiến lời TC trở thành bất lịch sự, biểu hiện ý định muốn chấm dứt cuộc hội thoại.

Trái ngược với người Việt, người Nga chủ yếu hướng đến thái độ TC mang tính lịch sự nhiều hơn khi kết hợp nhã ý đưa ra hướng lựa chọn mới kèm theo lời giải thích phù hợp. Ví dụ:

(11) - Ну, вот и мостик! - сказал Огнев. - Тут вам поворачивать назад...

Vера остановилась и перевела дух.

- *Давайте посидим, - сказала она, садясь на один из столбиков. - Перед отъездом, когда прощаются, обыкновенно все садятся.* [11, tr.63]

(- Thôi, cầu đây rồi! - Ôgônép nói. - Đến đây thì có trở lại được rồi...

Věroska dừng lại, thở vài thật sâu rồi thở ra.

- *Ta ngồi xuống đây một lúc đi, - Věroska vừa nói vừa ngồi xuống một trụ cầu. - Trước khi ra đi, lúc chia tay, thường thường người ta vẫn ngồi lại với nhau ít phút).*

Hành vi từ chối biểu hiện qua lời hứa hẹn

Hình thức TC bằng một lời hứa là cách thể hiện có tính lịch sự cao. Mang hàm ý trì hoãn việc thực hiện yêu cầu hành vi tiền vị chỉ là nhất thời. Ví dụ:

(12) Phong tỏ ra ngại, nhưng anh không dám để lộ cho Lan biết cái sự ngại ngùng của mình. Chiều nay Lan đã xin Huy, chủ nhật, cho phép Phong được đi chơi. Lan sẽ đưa Phong về nhà cô chơi.

- Để khi nào anh ra viện, Phong nói, chúng mình sẽ đi, như thể thoải mái hơn. [14, tr.70]

Huy từ chối đi chơi cùng Lan vào ngày chủ nhật thông qua lời hứa “để khi nào anh ra viện”. Lời hứa tạo cho cô sự trấn an và tâm lý thoải mái cùng với lý do “đi như thể sẽ thoải mái hơn”.

Hình thức này cũng được lặp đi lặp lại khá nhiều trong hội thoại giao tiếp của người Nga.

(13) - У меня голова заболела, я пойду домой, - сказал он Серпуховскому.

- Ну, так прощай. Даешь carte blanche?

- После поговорим, я найду тебя в Петербурге. [10, tr.496]

(- Tôi bị nhức đầu, tôi phải về nhà thôi, - chàng bảo Хеспухốpхкôі.

- Thôi được, tạm biệt anh. Anh trao cho tôi toàn quyền chứ?

- Chúng ta sẽ bàn lại chuyện đó sau. Tôi sẽ gặp anh ở Рêтесбуа.)

(14) - А, Вронский! Когда же в полк? Мы тебя не можем отпустить без пира. Ты самый коренной наш, - сказал полковой командир.

- Не успею, очень жалко, до другого раза, - сказал Вронский и побежал вверх по лестнице в ложу брата.

(- A! Vrôncki! Bao giờ thì anh tới trung đoàn? Chúng tôi chưa chiều đãi tiễn biệt thì chưa để anh đi đâu. Bây giờ anh là khách của chúng tôi rồi đấy, - đại tá nói.

- Rất tiếc tôi không có thời giờ, xin để đến lần khác, - Vrôncki nói và chạy lên cầu thang dẫn tới khoang ghé “lô” của ông anh.) [10, tr.831]

Hành vi từ chối biểu hiện bằng cách lảng tránh

Hình thức lảng tránh bằng cách chuyển nội dung sang đề tài khác

(15) - Ngày mai anh kiểm ít giấy xi măng dán các cánh cửa lại, anh không biết chứ, ban đêm ở đây, giữa cánh đồng, gió lùa ghê lắm!

Nhàn đưa câu chuyện trở lại cái vấn đề chính:

- Việc chúng mình để cho bộ đội đi phép...cậu Phong thấy sao? [14, tr.65]

Cách lảng tránh chuyển sang đề tài khác của người Nga tương tự người Việt. Ví dụ:

(16) -А я получила письмо из Москвы. Мне пишут, что Кити Щербацкая совсем больна.

- Неужели? - нахмурившись, сказал Вронский. (...)

- Что же вам пишут? - повторил он.

- Я часто думаю, что мужчины не понимают того, что благородно и неблагородно, а всегда говорят об этом, - сказала Анна, не отвечая ему.

- Я давно хотела сказать вам, - прибавила она и, перейдя несколько шагов, села у углового стола с альбомами. [15, tr.247]

(- Tôi vừa nhận được thư ở Mạc-tư-khoa. Họ cho biết là Kitty Tsecbatxkaia bị ốm nặng.

- Thực ả? - Vrôncki cau mày nói. (...)

- Họ viết gì cho bà? - chàng nhắc lại.

- Tôi thường tự nhủ đàn ông không hiểu thế nào là cao thượng cả, mặc dù họ vẫn luôn miệng nói tới điều đó, - Anna nói, không trả lời vào câu chàng hỏi. - Đã từ lâu tôi muốn nói với ông điều đó, - nàng nói thêm và bước đi vài bước, ngồi xuống gần một góc chắt đầy những tập ảnh.)

Trong một vài trường hợp, người Nga dùng hình thức lảng tránh sang đề tài khác theo dạng bắt đầu câu chuyện mới với đối tượng giao tiếp mới, hoàn toàn bỏ qua sự tồn tại của chủ thể giao tiếp ban đầu. Ví dụ: (17) - Как же ты послала сказать княжне, что мы не поедем! - потеряв голос, раздраженно прошептал он ей.

- Здравствуйте, княжна! - сказала Анна Павловна с притворной улыбкой, столь непохожею на прежнее ее обращение. - Очень приятно познакомиться, - обратилась она к князю. - Вас давно ждали, князь. [15, tr.379 - 310]

(- Tại sao em đi nói với tiểu thư là chúng ta không đi chơi? - anh bức dọc thì thầm hỏi vợ, gần như mất hẳn tiếng.

- Chào tiểu thư, - Anna Paplôpna nói với một nụ cười gượng gạo khác hẳn sự niềm nở trước kia. - Rất sung sướng được biết cụ, - chị ta nói với lão quận công, - chúng cháu mong đợi cụ từ lâu rồi, thưa quận công.)

Hành động này của người vợ làm gia tăng tâm lý khó chịu cho người chồng khi bị vợ xem thường, không những không đáp lại câu hỏi mà còn không thèm ngó ngang đến anh mà bắt chuyện người khác.

Hình thức lảng tránh bằng cách trì hoãn nhằm kéo dài thời gian.

Trong tiếng Việt, lảng tránh bằng cách trì hoãn biểu hiện bằng việc sử dụng những cụm từ đánh dấu mốc thời gian vô định nào đó, mập mờ và không rõ ràng: “lúc/khi khác”, “sau này/mai này”, “thong thả”, “chốc/tí nữa”...

(18) - Nhà cửa vắng vẻ quá cháu à. Chú và má cháu đã cố gắng hết cách mà không sinh nổi một đứa con. Chú mong cháu thông cảm hoàn cảnh gia đình, tha thứ cho má cháu, cho chú. Cháu ở lại nhà, sống đoàn tụ với gia đình, được không cháu?

- Cháu đã trả lời má rồi. Trước mắt, cháu sẽ trở lại trường đúng hạn phép. Còn như sau này, cháu sẽ trả lời sau. [16, tr.275]

(19) Bà Xuất bảo Gái:

- Ở đây ăn cơm rồi hãy về.

- *Sợ tối nhờ độ đường, mẹ để cho con khi khác.* [17, tr.136]

Hoặc sử dụng thời gian hạn định biểu đạt bằng các cụm từ: *ngày mai, tuần sau...*

(20) - Tôi yêu cô! Tôi yêu cô! Cô hãy nói cho tôi một tiếng đi, cô Bảy.

Tôi ngồi lặng thinh, hẳn cứ lẽ nhè nài nỉ tôi nói với hẳn một tiếng. Cuối cùng tôi phải nói.

- Tôi chưa mãn tang chồng. *Chuyện đó phải đến hai năm sau tôi mới nói được!* [12, tr.247]

Người Nga rất coi trọng thể diện đối tượng tham thoại nên chủ yếu lảng tránh bằng việc trì hoãn trong thời gian hạn định: *сейчас, момент...* Ví dụ:

(21) - Отец Христофор! - сказал укориженно Кузьмичов. - Пора ехать, уж лошади готовы, а вы ей-богу...

- *Сейчас, сейчас...* - забормотал о. Христофор. - *Кафизмы почитать надо... Не читал еще нынче.*

- *Можно и после с кафизмами.*

- *Иван Иванович, на каждый день у меня положение... Нельзя.* [18, tr.110 - 111]

(- Cha Khrixtophor! - Kudmitsóp nói, giọng trách móc. - Lên xe thôi, ngựa đã thắng xong, mà ông còn...

- *Xong ngay, xong ngay đây...* - cha Khrixtophor lúng búng. - *Phải đọc bài thánh thi tí đã... Hôm nay chưa đọc.*

- Đọc bài thì để sau hẵng đọc cũng được.

- *Ivan Ivanúts a, tôi phải hàng ngày...* Không đọc không được.)

(22) - *Пойдем отсюда!* - сказал он (Васильев), дернув художника за рукав.

- *Погоди, дай кончить.* [19, tr.190]

(- Thôi, ta đi khỏi đây thôi! - Vaxilép nói, kéo ống tay áo chàng họa sĩ.

- *Đợi một tí nào, sắp xong rồi.*)

Hành vi từ chối biểu hiện bằng cách đưa ra lời đe dọa, ngăn cấm

Hình thức TC bằng việc đưa ra lời đe dọa, ngăn cấm thường đi kèm các kết cấu quán ngữ tình thái trước phát ngôn như: *nói thật nhé, nói cho mà biết, nói trước cho mà biết, báo trước cho biết...* những cụm từ này tác động bổ trợ vào mệnh đề phía sau, vào ý nghĩa của chính thể cả câu. Vì vậy, nó khiến người nghe hình thành nên tâm lý lo sợ, hình dung ra một viễn cảnh xấu ở tương lai nên cần phải chấm dứt ngay mong muốn của mình. Ví dụ:

(23) - Chao ôi, cho em ngắm chị chút nào! Bữa nay trông chị trẻ và đẹp quá đi!

Huy hết sức xấu hổ quắc mắt đe:

- *Im ngay cái mồm. Tao cắt lưỡi đi bây giờ!* [14, tr.59]

(24) - À cô chê con tôi chắc?

- Dạ, cháu không dám, là cái số cháu thế, thì dám xin đưa gửi lại ông bà số tiền giấu rượu trạm ngõ hôm qua.

Lựa chia ba đồng bạc ra.

Nhưng ông phó An xoa tay:

- *Này, tôi bảo thật.* Cô về ngay đi. Tôi không nói câu chuyện này với trẻ con. Đã có ông hương bà hương bên ấy. [13, tr.20]

Tương tự như tiếng Việt, HVTC GT bằng cách đe dọa (*угроза*) trong tiếng Nga được đưa ra khi người nói muốn thông báo trước về khả năng sẽ thực hiện hành vi tối tệ đối với người nghe nếu người nghe vẫn tiếp tục với đề nghị của mình.

(25) - *Мне угодно только одно - предостеречь вас, Михаил Саввич. Вы - человек молодой, у вас впереди будущее, надо вести себя очень, очень осторожно, вы же так манкируете, ох, как манкируете! (...)* О том, что вы и ваша сестрица катаетесь на велосипеде, узнает директор, потом дойдёт до попечителя... Что же хорошего?

- *Что я и сестра катаемся на велосипеде, никому нет до этого дела!* - сказал Коваленко и побагровел. - *А кто будет вмешиваться в мои домашние и семейные дела, того я пошлю к чертям собачьим.* [20, tr.260]

(- Tôi chỉ muốn mỗi một điều là nhắc bảo anh. Anh còn trẻ, tương lai anh còn ở phía trước, anh cần phải xử sự rất, rất thận trọng, thế mà anh đã buông thả, ô, anh buông thả mình quá chừng! (...)) Chuyện anh và chị anh đi xe đạp mà đến tai ông hiệu trưởng, rồi đến tai ông thanh tra... Lúc ấy thì còn ra cái thể thống gì nữa không?

- *Việc ta và chị ta đi xe đạp chẳng liên quan gì đến ai cả!* - Kóvalenkô nói, mặt đỏ gay. - *Con nào thằng nào thò mũi vào chuyện riêng của nhà ta, ta cho cháu điem vường tất!*)

Hình thức TC này dễ gây tính chất xấu cho cuộc hội thoại và ảnh hưởng thể diện, tâm lý phía người nghe.

Hành vi từ chối biểu hiện bằng cách ra điều kiện

(26) - *Cơm sôi rồi, chặt nước giùm cái!* - Nó cũng lại nói trống.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- *Cháu phải gọi "ba chặt nước giùm con" phải nói như vậy.* [21, tr.37]

(27) - (...) tôi xem bói, mấy ông thầy cúng bảo tôi sát vạ. Có lấy tôi, nhờ có chết thì...?

- Cho chết! Xin cho ngày rằng chết tôi cũng bằng lòng.

- Cô đã vậy nhưng còn bà cụ. *Giá bà cụ được đôi, ba người con thì mình còn dám nghĩ liều. Nhưng bà cụ chỉ được có một mình cô.* [22, tr.51]

Điều kiện nêu ở ví dụ (25) thể hiện thái độ tích cực từ người nói, sẵn sàng thực hiện lời yêu cầu khi và chỉ khi người đối thoại chấp nhận điều kiện đặt ra trước. Ở ví dụ sau (26) điều kiện được nêu ra chỉ có nghĩa như lý do cho sự TC.

Hình thức TC bằng cách nêu điều kiện trong tiếng Nga đơn thuần là cách để lời TC êm tai hơn vì điều kiện không thể thực hiện. Ví dụ:

(28) - Мама, можно мне заговорить с нею? - сказала Кити, следившая за своим незнакомым другом и заметившая, что она подходит к ключу и они могут сойтись у него.

- Да, если тебе так хочется, я узнаю прежде о ней и сама подойду, - отвечала мать. - Что ты в ней нашла особенного? Компаньонка, должно быть. Если хочешь, я познакомлюсь с мадам Шталь. Я знала ее belle-soeur I, -прибавила княгиня, гордо поднимая голову. [15, tr.361]

(- Mẹ ơi, con nói chuyện với cô ấy được không? - Kitty hỏi và nhìn cô bạn chưa quen đó, thấy cô ta đã tới gần suối nước và hai người có thể gặp nhau ở đây. - Con đã thích nói chuyện với cô ấy như thế thì cũng được, để mẹ hỏi thêm về cô ta và mẹ sẽ đích thân đến gặp cô ta, - bà mẹ đáp. - Con thấy cô ấy có gì đặc biệt? Chắc cô ta là một tùy nữ. Nếu con muốn thì mẹ sẽ làm quen với bà Stan. Trước kia, mẹ có quen chị dâu bà ta, - phu nhân nói thêm và ngẩng cao đầu kiêu hãnh).

Hành vi từ chối biểu hiện bằng việc thương lượng lợi ích qua lại

(29) (Bính chưa chồng mà đẻ con, lo sợ làng xóm biết được thì không còn mặt mũi nào nên bố mẹ Bính bàn tính việc bán thằng bé cho vợ chồng nhà Phó Lý).

Phó Lý mỉm cười vuốt râu, hắt hàm hỏi bố Bính:

- Vậy tôi giúp ông bà mười đồng ông bà bằng lòng chứ?

Mẹ Bính vội nhăn mặt

- Thằng bé kháu khỉnh lắm, mặt mày sáng sủa, chân tay bụ bẫm, xin trả cho hai mươi đồng để nhà cháu lo lót với mấy cụ trong làng.

Bố Bính gãi tai tiếp lời:

- Thật vợ chồng cháu cảm ơn ông bà phó lắm chứ không dám nài xin hơn thiệt gì đâu. (...)

- Thôi tôi giúp thêm nhà ông bà ba đồng nữa là mười ba đồng có thuận thì mai bế thằng bé sang nhà tôi mà nhận tiền. [7, tr.22]

Khi người nói chưa hài lòng với lời đề xuất nào đó từ phía người nghe thì hình thức thương lượng xuất hiện, thương lượng để đem lại lợi ích về phần mình.

Chúng ta cũng gặp kiểu TC thông qua việc thương lượng này trong tiếng Nga.

(30) - Что вам угодно?

- Я имею дело до адвоката.

- Адвокат занят, - строго отвечал помощник, указывая пером на дождавшихся, и продолжал писать.

- Не может ли он найти время? - сказал Алексей Александрович.

- У него нет свободного времени, он всегда занят. Извольте подождать.

- Так не потрудитесь ли подать мою карточку, - достойно сказал Алексей Александрович, видя необходимость открыть свое инкогнито. [15, tr.571]

(- Ngài cần gì?

- Nói chuyện với luật sư.

- Ông ấy đang bận, - viên thư ký trả lời cộc lốc, lấy bút chỉ vào đám người ngồi đợi, và tiếp tục viết.

- Ông ấy không thể dành một lát để tiếp tôi sao? - Alêcxây Alêcxandrôvich nói.

- Ông ấy không có lấy một phút rảnh rỗi, lúc nào cũng bận. Xin ngài chịu khó ngồi đợi.

- Ông làm ơn chuyển giúp cái thiệp của tôi cho ông ấy, - Alêcxây Alêcxandrôvich đành lộ tên thật của mình.)

Chủ thể các phát ngôn liên tục đưa ra nhiều hình thức để thương lượng, từ tri hoãn đến viện lý do, thậm chí nài nỉ để đạt được quyền lợi cho chính mình.

Hành vi từ chối biểu hiện bằng cách đưa ra lời tự vệ cho bản thân

Khi bắt gặp hành vi tiền để có tính chất ảnh hưởng/tác động mạnh mẽ đến bản thân, người nói sẽ TC bằng hình thức đưa ra lời tự vệ.

(31) - Thu Vân thưa: “Bẩm ông, mẹ con của con đây tình nguyện làm tôi tớ, mà ông quảng đại, ông muốn đãi như con cháu, có lý nào con không chịu. Bẩm ông, hỏi này ông nói ông còn hai đứa cháu nội gái lạc mắt, vậy ông không kiểm coi?”

- Việc riêng của ông, cháu chẳng nên hỏi. [8, tr.194]

(32) - Ông Hội đồng chau mày ủ mặt, ngồi lặng thình một hồi lâu rồi nói: “Hai mẹ con ngủ dưới nhà bếp, ban đêm có việc cần dùng khó kêu lắm. Thôi, để phòng đó cho hai vợ chồng thằng Pho nó ngủ. Để mai biểu bảy trẻ khiêng bộ ván gỗ nhỏ trên lầu xuống rồi lót phía trong, dựa bên thang lầu, chỗ bước ra của sau đó, đặng ban đêm hai mẹ con giăng mùng ở đó mà ngủ với nhau.”

- Thu Vân nghe ông dạy như vậy liền đáp: “Bẩm ông, ông thương mẹ con của con ông hậu đãi như vậy, thiệt con cảm đức lắm. Nhưng vì con xét phận con hèn mọn quá, nên con không dám đèo bồng. Vậy xin ông cho

phép con nhỏ ở trên nấy mà hầu trà thuốc cho ông, còn phạt con thì ông để ở dưới bếp cũng được.” [8, tr.195]

TC biểu hiện qua lời tự vệ được người Nga đưa ra một cách nhẹ nhàng, chủ yếu diễn tả sự việc vượt quá khả năng bản thân người nói nên đành từ chối TC. Ví dụ: (33) - Он у вас будет жить, - шептал в зале Иван Иванович, - ежели вы будете такие добрые, а мы вам будем по десяти рублей в месяц платить. Он у нас мальчик не балованный, тихий...

- Уж не знаю, как вам и сказать, Иван Иванович! - плаксиво вздыхала Настасья Петровна.

- Десять рублей деньги хорошие, да ведь чужого-то ребенка брать страшно! Вдруг заболит, или что... [18, tr.174]

(Trong phòng khách, Ivan Ivanúts nói thì thầm:

- Bà cho nó ở đây. Nếu bà có lòng nhận cho, chúng tôi sẽ xin gửi bà mỗi tháng mười rúp. Cháu nó ngoan mà lành, chứ không phải như hạng con cưng nhà người ta...

- Tôi cũng chẳng còn biết nói với ông thế nào nữa, ông Ivan Ivanúts ạ! - bà Naxtaxia Pêtorópna thở dài nói như khóc. - Mười rúp cũng khá to tiền, nhưng nhận nuôi con người khác tôi cũng sợ lắm. Nhỡ nó ốm đau hay có chuyện gì...)

(34) Когда Софья засыпала, Варвара прижалась к ней и шепнула на ухо:

- Давай Дюдю и Алёшку изведем! (...)

- Страшно... Бог убьёт. [23, tr.228]

(Khi Xôphia đã thiêu thiêu ngủ, Varvara nằm sát lại bên và ghé miệng sát vào tai thầm thì nói:

- Chị với em cùng giết lão Điuđia và thằng Aliôska đi! (...)

- Sợ lắm em à... Trời đánh chết mất thôi.)

Hành vi từ chối gián tiếp thể hiện bằng cách đẩy trách nhiệm sang người khác

Khi người nói e ngại TC bằng cách tỏ ý “không muốn”, “không biết”, “không thích”...thực hiện theo nội dung đã được yêu cầu, để nghị thì lựa chọn hình thức đẩy trách nhiệm sang người khác là cách thoái thác khôn khéo.

(35) - Бўта наы аас кон муоан аан гн? аан аа аа лок ао аа лэ ао, лэ аа?

- Да, аа аа аа аа аа аа аа аа аа аа. [24, tr.736]

(36) - Ở Nam Vang có một người đang thiếu nợ bác. Cháu lên Nam Vang, đưa cái lá thư này, rồi mang tiền về. Những ngày cháu đi vắng, bác vẫn trả tiền công cho cháu; đòi được tiền, bác sẽ trả thêm. Trưa mai có tàu cập bến.

- Да, để cháu hỏi lại аа аа аа. [24, tr.644]

TC bằng cách đẩy trách nhiệm sang người thứ hai vắng mặt cũng được người Nga bày tỏ một cách từ tốn.

(37) - Алексей Александрович! Я знаю вас за истинно великодушного человека, - сказала Бетси, остановившись в маленькой гостинной и особенно крепко пожимая ему еще раз руку. - Я посторонний человек, но я так люблю ее и уважаю вас, что я позволяю себе совет. Примите его. Алексей есть олицетворенная честь, и он уезжает в Ташкент.

- Благодарю вас, княгиня, за ваше участие и советы. Но вопрос о том, может ли, или не может жена принять кого-нибудь, она решит сама. [15, tr.653-654]

(- Alêcxây Alêcxandrôvich, tôi coi ông là một người rất đại lượng, - Betsy nói, dừng lại trong phòng khách nhỏ và bắt tay ông lần nữa đặc biệt cương quyết. - Tôi... hoàn toàn ở ngoài cuộc, nhưng tôi mến Anna lắm và rất mực trọng ông, nên tôi đánh bạo khuyên ông một lần. Ông hãy tiếp chú ấy, Alêcxây Vronxki chính là hiện thân của danh dự và chú ấy sắp đi Tasken.

- Thừa quận chúa, tôi xin cảm ơn về mối thiện cảm và lời khuyên của bà. Nhưng tiếp hay không tiếp ai, chỉ có nhà tôi mới có quyền quyết định.)

KẾT LUẬN

Bài nghiên cứu đã phân tích các phương tiện biểu hiện HVTC GT trong tiếng Việt (có so với tiếng Nga) thông qua 9 phương tiện: biểu hiện bằng việc trình bày lý do TC, bằng việc đưa ra hướng lựa chọn mới, biểu hiện qua lời hứa hẹn, bằng cách lảng tránh, biểu hiện bằng cách đưa ra lời đe dọa, ngăn cấm, bằng cách ra điều kiện, bằng việc thương lượng lợi ích qua lại, bằng cách đưa ra lời tự vệ cho bản thân và bằng cách đẩy trách nhiệm sang người khác. Qua mỗi phương tiện biểu hiện, tác giả thấy có nhiều cách thể hiện cơ bản giống nhau giữa hai ngôn ngữ.

Để lời TCGT thuyết phục được người nghe mà không cảm thấy bị mất thể diện thì biểu hiện TC thông qua viện dẫn lý do cho lời TC, đưa lời hứa hẹn, hay thương lượng lợi ích qua lại là cách sử dụng phổ biến trong cả hai ngôn ngữ. Đẩy trách nhiệm sang người khác hay đưa ra lời tự vệ cho bản thân cũng là cách TC nhẹ nhàng, tôn trọng thể diện người nghe. Hình thức TC bằng lời đe dọa, ngăn cấm để chạm phải thể diện cho đối tác. Do mang tính tiêu cực nên cả người Việt và người Nga ít chọn cách thể hiện này ngoại trừ ý muốn chấm dứt cuộc thoại sau lời TC.

Một nét khác biệt đáng kể trong phương tiện biểu hiện hành vi TCGT giữa hai ngôn ngữ chính là, người Nga thường lảng tránh bằng việc trì hoãn thực hiện hành

vi tiền vị trong thời gian rất ngắn. Việc trì hoãn là nhất thời, không như người Việt thường đưa ra khoảng thời gian bất định hoặc hạn định ở thời điểm xa. Khi lảng tránh bằng việc đổi nội dung đề tài, người Nga nếu trong mối quan hệ thân thiết với người đối thoại thường sẽ xem nhẹ thể diện của họ khi chuyển đề tài với một đối tượng khác, không phải chủ thể giao tiếp ban đầu. Điều này tác động thể diện đối tác rất sâu nặng.

Cả tiếng Việt lẫn tiếng Nga đều TCGT bằng việc đưa ra hướng lựa chọn mới. Tuy nhiên, phương tiện này trong tiếng Việt mang tính tiêu cực hơn tiếng Nga bởi vì khi hướng đề xuất mới đi kèm giọng điệu thiếu hòa khí thì lời TC trở thành bất lịch sự.

Trong quá trình nghiên cứu, xét về tính khách quan tác giả không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tuy nhiên, tác giả hy vọng bài viết này có thể cung cấp cho người học thêm thông tin liên quan đến việc sử dụng phương tiện biểu đạt HVTC GT trong hai ngôn ngữ để đảm bảo tính lịch sự khi giao tiếp.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TC: Từ chối

HVTC GT: Hành vi từ chối gián tiếp

TCGT: Từ chối gián tiếp

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Thông qua việc thu thập nguồn ngữ liệu từ các tác phẩm văn học tiếng Việt và tiếng Nga, trong bài viết này tác giả bước đầu thống kê được 9 phương tiện biểu hiện HVTC GT giữa tiếng Việt và tiếng Nga. Thông qua bài nghiên cứu, tác giả hy vọng có thể cung cấp phần nào thông tin đến người học ngoại ngữ khi ranh giới giữa phương thức biểu hiện HVTC và chiến lược TC là rất mong manh. Chiến lược TC là việc sử

dụng ngôn ngữ trong giao tiếp nhằm tăng hiệu lực của phát ngôn trong giao tiếp, còn sử dụng ngôn ngữ như những phương thức biểu hiện HVTC được thể hiện bằng cả cấu trúc bề mặt và cấu trúc bề sâu của ngôn ngữ nhằm diễn đạt ý định TC, có thể tưởng minh hoặc sử dụng ý hàm ẩn và lệ thuộc sâu sắc vào ngữ cảnh giao tiếp. Những phát ngôn TC này mang tính sáng tạo để mục đích giao tiếp đạt hiệu quả cao nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi NP. Từ chối, một hành vi ngôn ngữ tế nhị, tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống. 1997;11:12-13.
2. Hai NT. Hành động từ chối trong Tiếng Việt hội thoại. Tạp chí Ngôn ngữ. 2001;1:1-12.
3. Mai TC. Phương thức biểu hiện hành vi từ chối lời cầu khiến trong tiếng Anh (liên hệ với tiếng Việt). Luận án tiến sĩ ngôn ngữ học, Đại học KHXHNV Hà Nội. 2005;.
4. Khương LQ, Thảo TTP. Nghi thức lời từ chối một đề nghị giúp đỡ trên cơ sở lý thuyết Hành vi ngôn ngữ, tạp chí Ngôn ngữ. 2008;2:13-21.
5. Đức Dân N. Ngữ dụng học, NXB Giáo dục. 2000;.
6. Viện Ngôn ngữ. Từ điển tiếng Việt. NXB Giáo dục. 1994;.
7. Hồng N. Bỉ vò. NXB Văn học. 2010;.
8. Chánh HB. Chút phận linh đình. NXB Hội nhà văn. 2018;.
9. Hoài T. Tuyển tập truyện ngắn Chuyện để quên. NXB Văn học. 2015;.
10. Aleksandr G. Алье паруса, Издательство Эксмо. 2010;.
11. Anton PC. Верочка, опубли.: «Новое время», № 3944, 21 февраля. 1887;р. 2-3.
12. Giỏi Đ. Đất rừng phương Nam. NXB Kim Đồng. 2012;.
13. Hoài T. Truyện ngắn chọn lọc. NXB Lao động. 2011;.
14. Châu NM. Toàn tập, tập 2. NXB Văn học. 2001;.
15. Lev T. Anna Karenina, Издательство Русский вестник. 1877;.
16. Xuân T. Bụi đời. NXB Văn học. 2006;.
17. Hoài T. Chuyện cũ Hà Nội (Tái bản lần 2). NXB Hội Nhà văn. 2014;.
18. Anton PC. Степь, опубли.: «Северный вестник», № 3 (ценз. разр. 25 февраля), стр. 75-167. 1888;.
19. Anton PC. Припадок, опубли.: сборник «Памяти В. М. Гаршина», СПб. 1888;29(1888):295-319.
20. Anton PC. Человек в футляре, опубли.: «Русская мысль», № 7, с. 120-131. 1898;.
21. Sáng NQ. Tuyển tập, NXB Văn Nghệ. 2002;.
22. Nam Cao. Sống mòn, NXB Hội nhà văn. 2008;.
23. Anton PC. Бабы, Источник: ФЭБ. 1891;.
24. Nhiều tác giả. 100 truyện ngắn hay Việt Nam thế kỷ 20. NXB Văn học. 2014;.

Expressions of indirect refusal in Vietnamese (compared with Russian)

Truong Thi Lan Huong*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

In Pragmatics, verbal behavior is a behavior that is most interested by many linguists. One of the behaviors is the act of rejection, the universal behavior of all languages. In intercultural conversations, the act of rejection is a very important behavior. Politeness in communication is a general principle in the social interaction of each culture. It is not easy to be polite when performing the acts of refusing without losing the other person's face.

Refusal is a common act in communication, especially in intercultural communication. In the case that the proposed invitations, suggestions or requests, etc. are not suitable to receive, refusal in a proper manner is needed. Moreover, choosing the form of indirect refusal is an effective way of responding. They both express the declination of requests and the face saving for the listener. Based on literary works either published or uploaded onto the internet, this study focuses on formulas expressing indirect refusals in Vietnamese (compared with Russian). Thereby, contributing to the efficiency enhancement of the learning of this speech act used for both Vietnamese learners of the Russian language and Russian-speaking learners of the Vietnamese language.

Key words: refusal acts, indirect refusal, expressing formulas, Vietnamese, Russian

Thu Dau Mot University, Vietnam

Correspondence

Truong Thi Lan Huong, Thu Dau Mot University, Vietnam

Email: trglanhuong@gmail.com

History

- Received: 9/12/2020
- Accepted: 31/5/2021
- Published: 06/6/2021

DOI : [10.32508/stdjssh.v5i2.670](https://doi.org/10.32508/stdjssh.v5i2.670)



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Huong T T L. Expressions of indirect refusal in Vietnamese (compared with Russian). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(2):1026-1034.